

## Phụ lục XII

**Ngành Thông tin và Truyền thông gồm 01 nội dung báo cáo:**

**Báo cáo tình hình triển khai các ứng dụng nền tảng phát triển chính phủ điện tử tỉnh Vĩnh Phúc tháng...**

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /2020/QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc*

**Báo cáo tình hình triển khai các ứng dụng nền tảng phát triển chính phủ điện tử tỉnh Vĩnh Phúc tháng... thực hiện theo Đề cương và Biểu mẫu báo cáo sau:**

### Phần I: ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO:

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /BC- ...., ngày..... tháng..... năm.....

### BÁO CÁO

**Cung cấp số liệu triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Phúc**  
(Kỳ báo cáo tháng: ...../năm.....)

#### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị: .....
2. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức: .....

#### II. NỘI DUNG CUNG CẤP SỐ LIỆU

##### 1. Về ứng dụng Phần mềm quản lý văn bản và điều hành

a) Văn bản đến:

Tổng số văn bản đến:..... trong đó, đã cập nhật trên phần mềm:.....

b) Văn bản đi:

Tổng số văn bản đi cập nhật trên phần mềm:....., trong đó:

- Số văn bản đi khi phát hành nhưng không có phiên bản chỉnh sửa:.....

- Tổng số văn bản đi khi phát hành có phiên bản chỉnh sửa: .....

c) Văn bản đi có ký số:

Tổng số văn bản đi có ký số:....., trong đó:

- Số văn bản đi có ký số nhưng không có phiên bản chỉnh sửa phát hành trên phần mềm:.....

- Số văn bản đi có ký số, có phiên bản chỉnh sửa phát hành trên phần mềm: .....

## **2. Về ứng dụng Thư điện tử công vụ**

- Số lượng hộp thư điện tử công vụ cấp cho cán bộ, công chức: .....

- Số lượng hộp thư điện tử công vụ thường xuyên sử dụng trong tháng (tối thiểu 04 lần truy cập/01 tháng): .....

- Số lượng hộp thư điện tử đề nghị thu hồi: .....

## **3. Về Cổng thông tin điện tử**

*(Chi tiết như Biểu số 01)*

## **4. Về Phần mềm một cửa điện tử**

- Đã triển khai Phần mềm một cửa hay chưa triển khai?:.....

- Tổng số hồ sơ nhận, trả kết quả qua Phần mềm một cửa:.....

## **5. Về Dịch vụ công trực tuyến**

*(Chi tiết như Biểu số 02)*

## **6. Chữ ký số**

- Số lượng chữ ký số cơ quan, cá nhân:.....

- Số lượng chữ ký số thường xuyên sử dụng trong tháng (tối thiểu ký 01 lần/tuần).....

- Số lượng chữ ký đề nghị thu hồi:.....

- Nhu cầu đăng ký chữ ký số sử dụng Sim PKI trên điện thoại thông minh:

.....

## **II. ĐÁNH GIÁ VỀ TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN:**

.....

.....

## **III. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT:**

.....

.....

*Nơi nhận:*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

## Phần II: BIỂU MẪU BÁO CÁO:

### Biểu số 01.

#### TỔNG HỢP SỐ LIỆU CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

(Kỳ cung cấp số liệu tháng: ...../năm .....)

STT	NỘI DUNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU CẦN CẬP NHẬT (Theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP)	KẾT QUẢ CẬP NHẬT THÔNG TIN, DỮ LIỆU
1	Thông tin giới thiệu: - Thông tin về tổ chức bộ máy: chức danh, lĩnh vực được giao phụ trách, số điện thoại, địa chỉ thư công vụ, ... đến cấp phòng, ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc đối với sở/ngành; đến cấp phường, xã đối với đơn vị hành chính cấp huyện. - Bản đồ địa giới hành chính đến cấp phường, xã, điều kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống văn hóa, di tích, danh thắng (đối với đơn vị hành chính cấp huyện).	Thông báo thông tin khi có thay đổi Trường hợp thiếu nội dung nào cần nêu rõ nội dung đó
2	Tin tức, sự kiện và thông tin tuyên truyền: - Các tin, bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, địa phương. - Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách; thông tin hỗ trợ doanh nghiệp.	Tổng số tin, bài đăng tải trong tháng (nêu rõ số lượng)
3	Thông tin chỉ đạo, điều hành: - Lịch làm việc của lãnh đạo cơ quan; - Văn bản chỉ đạo điều hành; - Ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân; - Thông tin khen thưởng, xử phạt.	Thống kê cụ thể số lượng theo từng đầu mục

4	Quy hoạch, kế hoạch phát triển và Chính sách ưu đãi, cơ hội đầu tư, các dự án mời gọi vốn đầu tư	Tổng số quy hoạch, kế hoạch phát triển và các chính sách được đăng tải hoặc gỡ bỏ (nếu có) trong tháng
5	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ QLNN của sở/ngành, địa phương	Tổng số các văn bản được đăng tải hoặc gỡ bỏ (nếu có) trong tháng
6	Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	Tổng số các nội dung được đăng tải trong tháng
7	Thủ tục hành chính/Dịch vụ công trực tuyến	Tổng số các TTHC/ Dịch vụ công được đăng tải hoặc gỡ bỏ (nếu có) trong tháng
8	Thông tin báo cáo thống kê: - Báo cáo tình hình KT-XH quý, năm - Báo cáo kết quả hoạt động các lĩnh vực thuộc phạm vi QLNN của sở/ngành, địa phương quý, năm.	Tổng số báo cáo đăng tải
9	Trao đổi, hỏi đáp	Tổng số các nội dung được đăng tải trong tháng
10	Thông tin công khai ngân sách theo quý, năm theo quy định của Luật Ngân sách	Tổng số thông tin công khai

**Người cung cấp số liệu**

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị**

*(Ký, ghi rõ họ tên, điện thoại, thư điện tử công vụ liên hệ)*

*(Ký, đóng dấu)*

**Biểu số 02**

**DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, 4 CỦA CƠ QUAN**

(Kỳ cung cấp số liệu tháng: ...../năm .....)

**I. DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, 4 CỦA ĐƠN VỊ**

TT	Nhóm dịch vụ	Tên dịch vụ	Địa chỉ đăng tải dịch vụ	Dịch vụ do Bộ chuyên ngành cung cấp, tình chỉ sử dụng (Đánh dấu [x])	Hiệu quả sử dụng		Hình thức thanh toán (Ghi rõ: Chuyển khoản, thẻ, hình thức khác nếu có)
					Số lượng hồ sơ trực tuyến đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận dưới cả hình thức trực tuyến và không trực tuyến trong kỳ báo cáo	
<b>I</b>	<b>DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3</b>						
1	.....						
2	.....						
<b>II</b>	<b>DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4</b>						
1	.....						
2	.....						

## II. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

TT	NỘI DUNG/TIÊU CHÍ	ĐƠN VỊ TÍNH	KHAI BÁO THÔNG TIN, SỐ LIỆU	
			Số liệu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	<b>Tổng số thủ tục hành chính của đơn vị:</b>	thủ tục		
2	<b>Tổng số dịch vụ công mức độ 1, 2:</b>	dịch vụ		
3	<b>Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 3:</b>			
	- Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3:	dịch vụ		
	- Tổng số hồ sơ đã được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến (hồ sơ trực tuyến) qua các DVCTT mức độ 3:	hồ sơ		
	- Tổng số DVCTT mức độ 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến:	dịch vụ		
	- Tổng số hồ sơ của các DVCTT mức độ 3 vẫn được người dân, doanh nghiệp gửi xử lý trực tiếp (hồ sơ không trực tuyến):	hồ sơ		
	- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến do người dân, doanh nghiệp tự khai báo:	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến do CBCCVC (tại bộ phận một cửa, trung tâm hành chính công,...) khai báo thay người dân, doanh nghiệp:	%		
	- Số lượng DVCTT mức độ 3 có sử dụng chữ ký số, ứng dụng di động định danh cá nhân (Mobile ID) để xác thực:	dịch vụ		
	- Số lượng DVCTT mức độ 3 công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ	dịch vụ		

TT	NỘI DUNG/TIÊU CHÍ	ĐƠN VỊ TÍNH	KHAI BÁO THÔNG TIN, SỐ LIỆU	
			Số liệu	Ghi chú
	- Số lượng DVCTT mức độ 3 công khai thời gian xử lý cho người dân, doanh nghiệp (cho phép người sử dụng theo dõi, kiểm tra việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và có thông báo tự động cho người sử dụng biết thông tin về việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính):	dịch vụ		
	- Số lượng DVCTT mức độ 3 có biểu mẫu điện tử tự động nhập các thông tin mà người dân, doanh nghiệp (thông tin được tự động lấy từ thông tin đã khai báo trong lần sử dụng trước hoặc từ các cơ sở dữ liệu khác đã có)	dịch vụ		
	- Số lượng DVCTT mức độ 3 đã kết nối và sử dụng dữ liệu từ CSDL đăng ký doanh nghiệp:	dịch vụ		
<b>4</b>	<b><i>Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4:</i></b>			
	- Tổng số DVCTT mức độ 4:	dịch vụ		
	- Tổng số hồ sơ đã được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến (hồ sơ trực tuyến) qua các DVCTT mức độ 4:	hồ sơ		
	- Tổng số DVCTT mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến:	dịch vụ		
	- Tổng số hồ sơ của các DVCTT mức độ 4 vẫn được người dân, doanh nghiệp gửi xử lý trực tiếp (hồ sơ không trực tuyến):	hồ sơ		
	- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến do người dân, doanh nghiệp tự khai báo:	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến do CBCC (tại bộ phận một cửa, trung tâm hành chính công,...) khai báo thay người dân, doanh nghiệp:	%		
	- Số lượng DVCTT mức độ 4 có thanh toán điện tử:	dịch vụ		
	- Số lượng DVCTT mức độ 4 có sử dụng chữ ký số, ứng dụng di động định danh cá nhân (Mobile ID) để xác thực:	dịch vụ		

TT	NỘI DUNG/TIÊU CHÍ	ĐƠN VỊ TÍNH	KHAI BÁO THÔNG TIN, SỐ LIỆU	
			Số liệu	Ghi chú
	- Số lượng DVCTT mức độ 4 công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ	dịch vụ		
	- Số lượng DVCTT mức độ 4 công khai thời gian xử lý cho người dân, doanh nghiệp (cho phép người sử dụng theo dõi, kiểm tra việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và có thông báo tự động cho người sử dụng biết thông tin về việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính):	dịch vụ		
	- Số lượng DVCTT mức độ 4 có biểu mẫu điện tử tự động nhập các thông tin mà người dân, doanh nghiệp (thông tin được tự động lấy từ thông tin đã khai báo trong lần sử dụng trước hoặc lấy từ các cơ sở dữ liệu khác đã có):	dịch vụ		
	- Số lượng DVCTT mức độ 4 đã kết nối và sử dụng dữ liệu từ CSDL đăng ký doanh nghiệp:	dịch vụ		
5	<b>Tổng số DVCTT có hỗ trợ hướng dẫn sử dụng, giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp</b>	<b>dịch vụ</b>		
6	<b>Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của tỉnh</b>	%		
7	<b>Sử dụng giao thức https</b>			
	- Số lượng Website/Portal cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh sử dụng giao thức https:	Website/Portal		
	- Tỷ lệ Website/Portal cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh sử dụng giao thức https / tổng số Website/Portal cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh:	%		